

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;
- Căn cứ Giấy chứng nhận số 01/GCN-SXD, ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Giấy chứng nhận bổ sung số 02/GCN-SXD, ngày 19 tháng 6 năm 2024 của SXD về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 30.005 thuộc Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Hưng Yên;
- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên;
- Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1 Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0901093546 đăng ký lần đầu ngày 12/01/2021 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/9/2025 cơ quan cấp Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở tài chính tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn Tiên Quán, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện pháp luật: **Nguyễn Nho Thịnh** Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0901093546

Website: <https://kiemdinhxhdhungyen.com>

Điện thoại: 0982555386

Email: thinghiem386@gmail.com

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm:

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Khu đô thị Phúc Hưng, phường Phổ Hiến, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0982555386

Email: thinghiem386@gmail.com

Trưởng phòng thí nghiệm: **Ks. Nguyễn Nho Trung**

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 30.005 do Sở xây dựng Hưng Yên cấp tại Giấy chứng nhận số 01/GCN-SXD ngày 12/01/2024 và 02/GCN-SXD ngày 19/06/2024)

1.3 Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường: *(Danh mục kèm theo Quyết định này)*

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng: *(Danh mục kèm theo Quyết định này)*

2.2 Danh mục máy móc thiết bị: *(Danh mục kèm theo Quyết định này)*

2.3 Danh mục cán bộ, thí nghiệm viên: *(Danh mục kèm theo Quyết định này)*

2.4 Quyết định này được công bố công khai tại:

Website: <https://kiemdinhxdhungyen.com>

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Website: <https://kiemdinhxdhungyen.com>
- SXD Hưng Yên
- Lưu VT

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG HƯNG YÊN**



GD: Nguyễn Nho Thịnh



DANH MỤC, CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-CBNT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên
I Thử nghiệm cơ lý xi măng				
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; TCVT 13605:2023	Sàng 0,09 mm, Cân kỹ thuật 0,01g, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Phạm Hữu Dũng
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn, máy thử độ bền nén, gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân , máy trộn, thùng lược mẫu, khuôn Lơ Satolie.	
II Thử nghiệm cốt liệu bê tông và vữa				
4	Xác định thành phần hạt và moodun độ lớn	TCVN 7572-2:2006	- Cân kỹ thuật , Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 µm; 315 µm; 630 µm và 1,25 mm theo Bảng 1; Tủ sấy	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Phạm Hữu Dũng
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	- Cân kỹ thuật,Tủ sấy, Bình dung tích	
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	- Cân kỹ thuật, Cân thủy tĩnh- Thùng ngâm mẫu, Khăn thấm nước mềm và khô, Thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy	
7	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006;	- Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, Cân kỹ thuật, Phễu chứa vật liệu, Bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy thước lá	

			kim loại; Thanh gỗ	
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	- Cân kỹ thuật, Tủ sấy - Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).	
9	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	- Cân kỹ thuật, Tủ sấy, Thùng rửa cốt liệu - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính, Que hoặc kim sắt nhỏ.	
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml, Cân kỹ thuật, Bếp cách thủy; Sàng có kích thước lỗ 20 mm; Thang màu để so sánh; Thuốc thử: NaOH	
11	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	- Máy nén thủy lực; - Máy khoan và máy cưa đá; - Máy mài nước; - Thước kẹp; - Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu	
12	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén thủy có lực nén; xi lanh bằng thép, có đáy rời, cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; Bộ sàng tiêu chuẩn theo Tủ sấy; thùng ngâm mẫu.	
13	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los-Angeles)	TCVN 7572-12:2006	- Máy Los Angeles, Cân kỹ thuật Sàng 1,7 mm; Tủ sấy	
14	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	- Cân kỹ thuật, Thước kẹp cải tiến; - Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy	
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa trong đá dăm (sỏi)	TCVN 7572-17:2006	- Cân kỹ thuật, Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn Kim sắt, kim nhôm - Búa con	
16	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật, kính lúp	
17	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	- Cân phân tích độ chính xác 0,001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khô 330mmx210mm - Đũa thủy tinh	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đình Văn Quân Phạm Hữu Dũng

18	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176	ống đong, dung dịch thí nghiệm, sàng tiêu chuẩn,	
III Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
19	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại dài 80cm chính xác tới 0,5cm.	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Phạm Hữu Dũng
20	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 93	Thùng kim loại hình trụ, thiết bị đầm, cân kỹ thuật, thước lá kim loại.	
21	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93	Khuôn thép ,Bàn rung , Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật, Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy, Khay sắt.	
22	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93	- Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật , Búa con, cối chày đồng, Bình hút ẩm, Tủ sấy, Sàng 2 hoặc 2,5mm, Nước lọc, dầu hoả, cồn	
23	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93	- Cân kỹ thuật, Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy, Khăn lau mẫu	
24	Độ mài mòn	TCVN 3114:93	Cát nghiền, máy mài mòn	
25	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:93	- Cân kỹ thuật, Thước lá kim loại, Cân thủy tĩnh, Bếp điện, Thùng nấu paraffin, tủ sấy	
26	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:93	Máy xác định độ chống thấm, bộ áo mẫu, bàn chải sắt, tủ sấy	
27	Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:93	Đồng hồ đo co ngót, Tủ khí	
28	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93	- Máy nén, Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải	
29	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93	- Máy thử uốn, Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm, Thước lá kim loại	
30	Giới hạn bền kéo uốn dọc trục khi bừa	TCVN 3120:93	- Máy nén, Bộ gá ép chế mẫu bê tông hình trụ, Gối truyền tải, đệm gỗ	
31	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN239:2006	- Máy nén, Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải	
32	Xác định cường	TCVN 12252:2020	- Máy nén, Thước lá kim loại,	

	độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu		- Đệm truyền tải	
IV	Thử nghiệm vữa xây dựng			
33	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	- Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật - Tủ sấy điện	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Phạm Hữu Dũng
34	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - bàn dần vữa, thước kẹp	
35	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít,	
36	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03	- Cân kỹ thuật, Tủ sấy, Thước kẹp, Cân thủy tĩnh.	
37	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:03	- Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đầm mẫu, Thùng bảo dưỡng mẫu - Mảnh vải cotton, - Tấm kính - Máy uốn, nén Tấm nén phải đảm bảo phẳng	
38	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:03	Cân phân tích, Tủ sấy, Giấy, Pipet, Bình hút ẩm, Sàng, Cốc thủy tinh, Bình nhựa có nắp vặn, Máy lắc, Hoá chất và thuốc thử	
39	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03	- Cân kỹ thuật (1g), Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy, Khăn lau mẫu, Thước lá	
40	Độ dính bám trên nền	TCVN 9349:12	Thiết bị kéo đứt, máy khoan, máy mài, bàn chải nhựa, cốc nhựa, dao thép, tấm thép....	
V	Kiểm tra thép, kim loại, mối hàn			
41	Thử kéo	TCVN 197-1:2014	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp, Dụng cụ Palme, - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên
42	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	
43	Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng,...	
44	Kiểm tra chất	TCVN 8311:2010	Máy kéo thủy lực vạn năng,...	

	lượng môi hàn - thử kéo dọc			Nguyễn Văn Trưởng Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên
45	Thử kéo Bu lông, ốc vít	TCVN 1916:1995	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp - Dụng cụ Palme - Thước lá kim loại. - Bộ gá thử kéo Bulong	
46	Lực xiết của bu lông, vít, vít cấy	TCVN 8298:2009	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp, Dụng cụ Palme, Thước lá kim loại, Bộ gá thử kéo Bulong	
47	Lưới rọ đá: Xác định tại vòng xoắn tại mắt lưới	ASTM A975	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện	
48	Dây điện, dây tín hiệu: Đường kính sợi đồng, chiều dày lớp cách điện, vỏ bọc, điện trở dây dẫn, thử kéo dây	TCVN 6614:2008; TCVN 6099:2007	- Máy kéo, thiết bị khắc vạch mẫu, Cân kỹ thuật, Thước kẹp, Dụng cụ Palme, Thước lá kim loại. và các thiết bị khác	
49	Thử cáp dự ứng lực: Xác định cường độ kéo, độ giãn dài	ASTM A370	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp, Dụng cụ Palme, Cân kỹ thuật, - Thước lá kim loại.	
50	Xác định chiều dày lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5408:2007, TCVN 5878:2007	Máy đo chiều dày lớp mạ, lớp phủ	
VI Thử nghiệm cơ lý gạch				
51	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Dùng thước lá, Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc, Tủ sấy, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	Nguyễn Văn Trưởng Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên
52	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Dùng thước lá, Tủ sấy, Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc, Máy nén thủy lực, máy cưa để tạo mẫu thử, thước, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay, chảo ... trộn vữa xi măng.	
53	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Dùng thước lá, Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc. Máy thử uốn hoặc nén, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo, Tủ sấy	

54	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Dùng thước lá, Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc, Tủ sấy, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu
55	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo
56	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Thùng chứa mẫu, cân, quang gánh
57	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng chứa mẫu, thước đo
58	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009	Khay chứa nước, bàn chải, tủ sấy, thiết bị thử thoát muối
59	Gạch bê tông tự chèn: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ mài mòn; độ hút nước	TCVN 6476:2011	- Các miếng kính để là phẳng mặt vữa trát mẫu, Bay chảo để hồ trộn xi măng, ủ sấy Thước cặp thép, tủ sấy
60	Gạch bê tông: kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ rỗng; độ mài mòn; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc. - Thước lá chia vạch 1mm, - Các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu, bay, chảo trộn mẫu Máy nén, Cân kỹ thuật, Cát khô, các miếng kính, bộ má ép,
61	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước, khối lượng thể tích khô, độ co khô	TCVN 9030:2017	- Thước lá, thước vuông, thước kẹp cơ khí độ chính xác 0,01mm, Nivol độ chính xác 0,1mm - Tấm dưỡng kim loại, Tủ sấy, Cân kỹ thuật, thùng để ngâm mẫu, Thiết bị thử độ co, Đồng hồ đo biến dạng, Tủ sấy, Cân kỹ thuật, Máy nén
62	Gạch Terrazzo: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; xác định độ bền uốn; xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013	Tủ sấy; Máy uốn nén; Máy mài mòn; Cân điện tử; Thước thép, Máy nén có thang lực thích hợp

Nguyễn Văn
Trưởng
Nguyễn Thị Mến
Phạm Minh
Nguyễn

VII	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng			
63	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	- Dầu hoả, Bơm chân không, Cân kỹ thuật - Bình tỷ trọng (100cm³), - Cối chày sứ (đồng), - Rây 2mm, - Bếp cát, - Tủ sấy (t⁰), - Tỷ trọng kế, - Thiết bị ổn nhiệt, - Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên
64	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	- Tủ sấy (t⁰) đến 300⁰C, - Cân kỹ thuật - Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Khay men phơi đất - Cân kỹ thuật - Cân phân tích - Rây 0,5mm, - Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰).	
65	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	- Các tấm kính nhám, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thuỷ tinh có nắp, - Cân kỹ thuật - Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰), - Bát sứ trắng men, - Dao để trộn - Dụng cụ Casagrande	
66	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	- Cân kỹ thuật (0,01g), - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Tủ sấy (t⁰), - Bình hút ẩm có clorua	

			canxi, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), - Máy sàng lắc, - Cân phân tích, - Tỷ trọng kế (vạch 0,001), - Bộ phận đun và làm lạnh, - Bình đông (1000cm ³ , ϕ 60±2mm), - Nhiệt kế (0,5 ⁰ C), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm, - Máy rửa, - Ống hút (5cm ³ và 50cm ³), - Thước thẳng 20cm.	
67	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012	- Máy cắt một phẳng ứng biến 4 tốc độ - Đồng hồ đo biến dạng, - Vòng đo lực ngang, - Quả cân (0,1.10 ⁵ N/m ²1.10 ⁵ N/ m ²)	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên
68	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	- Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), - Các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại, - Dao gạt đất, - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, - Tủ sấy (t ⁰), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01mm. - Quả cân	
69	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333-2006; TCVN 12790:2020	- Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Sàng (19 mm, 5mm), - Bình phun nước, - Tủ sấy (t ⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), - Dao gạt đất, - Vò đập đất, - Khay (40x60cm),	

			- Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.	
70	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	- Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, - Tủ sấy (t0), - Bình hút ẩm	
71	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332: 2006; TCVN 8821:2011; TCVN 12792:2020	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối, Chày đầm, sàng, cân...	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên
72	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:01	Thiết bị nén, máy đùn mẫu, chỉ báo biến dạng, bộ so sánh mặt số, cân, ...	
73	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012;	Thiết bị thí nghiệm thấm, dao vòng, đồng hồ bấm giây....	
74	Thí nghiệm nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011	Thiết bị nén ba trục, buồn ba trục cân	
75	Xác định sức chống cắt của đất bằng phương pháp cắt cánh	TCVN 8725:2012	Thiết bị cắt cánh chuyên dụng trong phòng thí nghiệm, Đồng hồ đo, Thước cặp cơ khí, Dụng cụ cắt đất, các khay đựng đất, đồng hồ bấm giây	
76	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012	Tủ sấy, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, cối, chày bằng sứ, giấy lọc, bếp đun, sàng tiêu chuẩn, ống đông...	
VIII	Thử nghiệm tại hiện trường			
77	Đo dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 12791:2020; 22TCN 02:1971	- Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm ³), - Cân kỹ thuật - Dao gạt đất lưỡi phẳng, - Hộp nhôm, - Vazolin hoặc mỡ để bôi trơn, - Chảo sấy - Búa đóng	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Phạm Hữu Dũng
78	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương	TCVN 8729:2012; 22TCN 346:2006;	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, để định vị). - Cát chuẩn - Cân kỹ thuật	

	pháp rót cát		- Bộ sàng lỗ sàng 2, 36; 1,18; 0,6; 0,3 mm - Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông)	
79	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Cần Benkenman hoặc cần đo độ võng Xe chất tải	
80	Xác định modul đàn hồi theo đo võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Belkenman	TCVN 8867:2011	- Cần Benkenman - Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN.	
81	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước phẳng 3m, calip đo chênh cao	
82	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011	- Cát chuẩn, Ống đong cát, Bàn xoa cát hình tròn, Bàn chải sắt và bàn chải lông mềm, Thước dài khắc vạch 500mm, Cân có độ nhạy 0,1g - Tấm chắn gió	
83	Phương pháp thử không phá hủy – Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012	Máy Siêu âm, súng bật nảy	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mên Phạm Minh Nguyên Phạm Hữu Dũng
84	Đo điện trở hệ thống chống sét công trình xây dựng, hệ thống điện	TCVN 9385:2012	Thiết bị đo điện trở đất, cọc tiếp địa, dây nối	
85	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Cần Benkenman hoặc cần đo độ võng Xe chất tải	
86	Cọc PP thử nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	- Thiết bị thí nghiệm bao gồm hệ gia tải phản lực và hệ đo đặc quan trắc: +Hệ gia tải gồm kích, bơm và hệ thống thủy lực . + Hệ đo đặc quan trắc bao	

			gồm thiết bị, dụng cụ đo tải trọng tác dụng lên đầu cọc, do chuyển vị của cọc, máy thủy chuẩn, dầm chuẩn và dụng cụ kẹp đầu cọc.	
87	Ổng Cống bê tông cốt thép: Xác định kích thước và sai lệch kích thước, cường độ chịu tải, khả năng chống thấm	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012	Thước lá, thước kẹp, máy khoan bê tông, thước đo góc, máy nén, tấm thép, đồng hồ, máy ép thủy lực	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến
88	Sản phẩm bó via bê tông đúc sẵn: Xác định cường độ bê tông, khuyết tật, kích thước và mức sai lệch cho phép, khả năng chịu tải	TCVN 10797 :15	Thước lá, thước kẹp, máy khoan bê tông, thước đo góc, máy nén, tấm thép, đồng hồ, máy ép thủy lực	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Đinh Văn Quân Phạm Minh Nguyên
89	Thí nghiệm Bentonite : Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định	TCVN 11893 :17	Phễu, đồng hồ bấm giờ, cốc có vạch chia, nhiệt kế thủy tinh.....	
90	Son kẻ đường nhiệt dẻo, son phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ mài mòn, độ kháng chảy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng son	TCVN 8791:18	Cân phân tích, bình tỷ trọng, nước cất, bể ổn định nhiệt, khuôn mẫu, bi thép, vòng dẫn hướng, khung treo, bình chứa etylen glycol, dụng cụ cấp nhiệt, nhiệt kế, dao cắt, etylen glycol, vazolin, nước đá, đồng hồ bấm giờ...	
91	Xác định lực cường độ neo kéo cấy thép, bulong	TCVN 9490:2012	Kích thủy lực, bộ ngàm bằng thép các kích cỡ....	
92	Cọc khoan nhồi – Xác định tính đồng nhất của bê	TCVN9396:2012	Máy siêu âm và các dụng cụ đi kèm	

	tổng – Phương pháp xung siêu âm			
93	Cọc - Phương pháp thử động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012	Máy siêu âm và Đồng hồ chuyển vị đo độ biến dạng nhỏ và các dụng cụ khác kèm theo	
94	Cọc - Phương pháp thử động biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016	Máy siêu âm Đồng hồ chuyển vị đo độ biến dạng lớn và các dụng cụ khác kèm theo	Nguyễn Văn Trường Phạm Minh Nguyên
IX	Bê tông nhựa			
95	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế, cân; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương Ngô Quang Trường
96	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút ẩm, C ₂ HCl ₃ , (NH ₄) ₂ CO ₃ và các dụng cụ khác	
97	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy.	
98	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1°C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ	
99	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1°C.	
100	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.	
101	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đong bằng thép hoặc bằng đồng D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.	
102	Phương pháp xác định hệ số độ lu	TCVN 8860-8:2011	Phương pháp tính toán	

	lên			
103	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9: 2011	Phương pháp tính toán	
104	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Phương pháp tính toán	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương Ngô Quang Trường
105	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Phương pháp tính toán	
106	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Phương pháp tính toán	
107	Xác định hàm lượng vật liệu lọt sàng 75 μ m trong cốt liệu bằng phương pháp rửa	AASHTO T11-05	Cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn	
108	Thí nghiệm xác định vết hằn lún bánh xe của hỗn hợp bê tông nhựa nóng	AASHTO T 324-04	Máy đo vết hằn lún và các dụng cụ khác	
109	Xác định sức kháng trượt bằng con lắc Anh	TCVN10271:2014	Con lắc Anh	
110	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt; lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số háo nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa.	22TCN 58:1984	Kính lúp, thước kẹp, thước lá Bộ sàng (1,25; 0,63; 0,315; 0, 14; 0,071mm); Cân kỹ thuật; Bát sứ (15-20cm); Chày bít cao su; Bình đựng nước (6-10l); Bình hút ẩm; Tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm; Máy hút chân không; Bình để rửa; khay tráng men, bình thủy tinh 250ml, bếp cát, phễu thủy tinh, giấy lọc, bát sứ, nước cất	
X	Nhựa bitum, nhựa đường lỏng, nhũ tương axit			
111	Xác định độ kim lún	TCVN 7495: 2005	- Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, - Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế, - Chậu nhôm đáy phẳng, - Bình chứa cốc mẫu, - Chậu đựng nước, - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương

			hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Thiết bị điều hòa nhiệt độ	Ngô Quang Trường
112	Xác định modđun đàn hồi và độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:2005;	- Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph), - Khuôn bằng đồng, - Nhiệt kế 50 ⁰ C (0,1 ⁰ C), - Chậu đựng nước (15l), - Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hỏa, đun chảy nhựa - Dao cắt, gọt nhựa	
113	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	- Khuôn tròn có đk trong Φ 15.9 ± 3mm cao 6.4 ± 4mm để chứa nhựa đường, - Bi thép (Φ 9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, -Khuôn treo, - Vòng dẫn hướng của bi thép - Bình thủy tinh co dung tích 800ml, - Dao cắt, dùng cắt nhựa - Nhiệt kế (200 ⁰ C, chia 0,5 ⁰ C), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Dụng cụ và hóa chất cần dùng: + Ethylene glycol có điểm sôi giữa 193 ⁰ C÷ 204 ⁰ C. + Vadolin (glixerin) để bôi trơn. + Nước đá.	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương Ngô Quang Trường
114	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011	- Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường, - Nhiệt kế (400 ⁰ C, chia 0,5 ⁰ C), - Đồng hồ bấm giây. - Bình ga gia nhiệt	
115	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499:2005	- Giá quay tổn thất 5v/p, tủ sấy, hộp nhôm,	
116	Xác định độ hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc phân tách	

117	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005	- Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.	
118	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005; TCVN 8818-5:2011	- Nhớt kế, nhiệt kế, dụng cụ đo thời gian,	
119	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005	- Tủ sấy, nhiệt kế, bình chưng cất, ống nghiệm, cân	
120	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Cốc mỏ 1000ml, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mên Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương Ngô Quang Trường
121	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Nồi chưng cất, 1 đèn đốt dạng vòng tròn, 1 đèn Busen dùng để gia nhiệt cho ống dẫn, 1 ống dẫn làm bằng thủy tinh hoặc kim loại, 1 ống ngưng bằng thủy tinh, Ống đông thủy tinh, nhiệt kế, cân, các nút đệm, ống cao su, sàng	
122	Thí nghiệm chung cất	TCVN 8817-9:2011; TCVN 8818-4:2011	Cân kỹ thuật, thiết bị thí nghiệm chưng cất	
123	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011	- Nhớt kế Saybolt Furol, Phễu lọc, Nhiệt kế, Bể ổn nhiệt, Pi-pét, Bình đông, Đồng hồ bấm giây	
124	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Bình lưu mẫu, Pi-pét, cân, cốc, thìa khuấy, tủ sấy	
125	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011	- Sàng, Khay kim loại, Nhiệt kế, Cân, Tủ sấy, Bình hút ẩm, Chậu đựng nước, Cốc thủy tinh dung tích 1500 mL.	
126	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011	-Điện cực, cốc thủy tinh, bể ổn nhiệt	
127	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	- Lưới sàng, Cốc kim loại có dung tích 600 mL, Đũa kim loại, Buret bằng thủy tinh dung tích 50 mL, Cân, Tủ sấy, Thuốc thử	
128	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	- Sàng, Khay kim loại, Chảo trộn, Đũa trộn, Ống đông, Cân, tủ sấy	
129	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011	Chảo trộn, dao trộn, sàng, bình chứa nước hình trụ, ống dẫn và vòi phun, cân, ống pi-pét dung tích 10 mL	

130	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Cân kỹ thuật, thiết bị thí nghiệm chưng cất	
131	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011	Cốc trộn, Cốc rửa, Dao trộn, Tủ sấy, Cân, Khay kim loại, Ống đong, Nhiệt kế loại, Kính bảo vệ mắt, Găng tay bền a xít và cồn.	
132	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011	Đèn và một tấm kim, Sàng, Cốc thủy tinh, Cốc trộn, Cân kỹ thuật, Dao trộn, Kính bảo vệ mắt, Găng tay chịu nhiệt, Cát chuẩn	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Phạm Minh Nguyên Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương Ngô Quang Trường
133	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011	Cốc thủy tinh, Ống đong, Nhiệt kế, Đũa thủy tinh, Nước cất	
134	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Bình đong tiêu chuẩn, Cân, Bể ổn nhiệt	
135	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại, Chảo, Ống đong Dao trộn, Sàng tiêu chuẩn	
XI	Phân tích hoá nước cho xây dựng			
136	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:88	- Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Bát sứ, chén sứ, chén bạch kim; Phễu lọc; Giấy lọc không tro.	Nguyễn Văn Trường
137	Xác định pH	TCVN 6492:11	- Bình mẫu, nhiệt kế, bộ cảm biến nhiệt	
138	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:96	Nồi cách thủy, Ống nghiệm, Bình đong, Pipet	
139	Hàm lượng ion sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6200:96	Cân phân tích, Bát cô bằng bạch kim, Phễu lọc thủy tinh	
140	Hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:96	- Cân phân tích, Bát cô bằng bạch kim, Phễu lọc thủy tinh	
XII	Vải địa kỹ thuật – Bắc thăm			
141	Trọng lượng bắc, khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:09	Thước thẳng, compa, Kéo cắt vải bản to. Bút ghi. Khuôn lấy mẫu, Cân điện tử	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương Ngô Quang Trường
142	Cường độ kéo, kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:11	- Máy thử kéo thử vạn năng 100 kN, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp - Dụng cụ Palme (1%mm) - Thước lá kim loại	

			- Bộ gá kéo	
143	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11	- Máy thử kéo, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp - Thước lá kim loại - Bộ gá kéo, Bể ngâm mẫu	
144	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:11	- Máy thử nén, mũi xuyên - Thước kẹp (5%mm) - Dụng cụ Palme (1%mm) - Thước lá kim loại - Bể ngâm mẫu	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương Ngô Quang Trường
145	Sức chịu chọc thủng	TCVN 8871-4:11	Máy thử nén, -Thước kẹp (5%mm) - Dụng cụ Palme (1%mm) - Thước lá kim loại - Bể ngâm mẫu	
146	Xác định áp lực kháng bức, kháng xuyên	TCVN 8871-5:11	Máy thử kéo, mũi xuyên - Thước kẹp (5%mm) - Dụng cụ Palme (1%mm) - Thước lá kim loại, ngâm kẹp - Bể ngâm mẫu	
147	Kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:11	- Máy lắc rây, khay, nắp và khung rây, hạt thủy tinh, tủ sấy - Cân kỹ thuật (0,1g)	
148	Cường độ chịu kéo của mỗi nối	TCVN 9138:12	- Máy thử kéo - Thước kẹp (5%mm) - Dụng cụ Palme (1%mm) - Thước lá kim loại, ngâm kẹp	
149	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:09	Cân điện tử, Thước thẳng, compa đo, Kéo cắt vải, Khuôn lấy mẫu thử hình vuông	
150	Độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:09	+ Khuôn lấy mẫu: Khuôn lấy mẫu có dạng hình trụ đường kính 75 mm, thiết bị đo độ dày, Đồng hồ bấm giây.	
151	Xác định sức bền kháng thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:10	- Máy thử kéo - Thước kẹp (5%mm) - Côn đo đường kính lỗ thủng - Thước lá kim loại, ngâm kẹp	
152	Xác định độ dẫn nước, khả năng thoát nước	TCVN 8483:10	Nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, ống đo áp, thùng nước, các tấm đệm	

XIII	Thử nghiệm đá ốp, lát tự nhiên			
153	Xác định kích thước và hình dáng, độ hút nước, độ bền uốn, độ bền mài mòn, độ cứng bề mặt theo hình thang Morh	TCVN 6415:2016 TCVN 4732:2016	- Máy nén, uốn; Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải - Máy mài mòn - Tủ sấy - Thùng ngâm mẫu - Cân điện tử	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến Đinh Văn Quân Nguyễn Thị Hương Ngô Quang Trường
IVX	Thử nghiệm đá ốp, lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ			
154	Xác định kích thước và hình dáng, độ hút nước, độ bền uốn, độ bền mài mòn, độ cứng bề mặt theo hình thang Morh	TCVN 6415:2016 TCVN 8057:2009	- Máy nén, uốn; Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải - Máy mài mòn - Tủ sấy - Thùng ngâm mẫu - Cân điện tử	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến
VX	Thử nghiệm gạch gốm ốp, lát			
155	Xác định kích thước và hình dáng, KLTT, KLR, độ hút nước, độ bền uốn, độ bền mài mòn, độ cứng bề mặt theo hình thang Morh, độ bền rạn men, độ bền sốc nhiệt, độ bền chống bám bẩn, độ va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415:2016 TCVN 6074:1995	- Máy nén, uốn; Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải - Máy mài mòn - Tủ sấy - Thùng ngâm mẫu - Cân điện tử	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Mến

Cam kết:

Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên.

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-CBNT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên)

TT	Danh mục thiết bị	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng	Số lượng	Ghi chú
1	Máy kéo, nén, uốn 1000KN	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
2	Máy kéo, nén, uốn 1000KN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
3	Máy kéo, nén, uốn 100KN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
4	Máy nén 2000KN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
5	Máy nén 2000KN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
6	Máy nén 2000KN	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
7	Máy nén 50KN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
8	Máy thử thấm bê tông	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
9	Máy thử vệt hằn lún bánh xe	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
10	Máy tạo mẫu chạy hằn lún vệt bánh xe	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
11	Máy Thử độ mài mòn bề mặt gạch men, ốp lát	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
12	Máy mài mòn Los Angeles	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
13	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	TQ	Còn sử dụng tốt		
14	Máy đo điện trở tiếp địa	Thái Lan	Còn sử dụng tốt	02	
15	Máy kiểm tra chất lượng cọc bằng PP thử động biến dạng lớn (PDA)	TQ	Còn sử dụng tốt		
16	Bơm hút chân không và bình hút chân không	TQ	Còn sử dụng tốt		
17	Thiết bị thử nhỏ thép cây, bu lông cây loại 30 tấn đến 60 tấn	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
18	Bộ thiết bị neo, nêo kéo tròn bộ từ phi 6-phi 42	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
19	Tủ sấy 0-300 ⁰ C	TQ	Còn sử dụng tốt	04	
20	Lò nung 1200 ⁰ C	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
21	Kích nâng thủy lực 300kN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
22	Kích nâng thủy lực 320kN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
23	Kích nâng thủy lực 400kN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
24	Kích nâng thủy lực 600kN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
25	Kích nâng thủy lực 1000kN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
26	Kích nâng thủy lực 2000kN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
27	Kích nâng thủy lực 3000kN	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
28	Đồng hồ đo lún 0-50mm	TQ	Còn sử dụng tốt	08	
29	Đồng hồ đo áp suất 0-60 MPa	TQ	Còn sử dụng tốt	06	
30	Bơm dầu thủy lực chạy điện	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
31	Bơm dầu thủy lực cơ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
32	Máy khoan rút lõi bê tông chạy bằng điện	TQ	Còn sử dụng tốt	03	
33	Máy khoan bắn vít	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
34	Máy phá bê tông	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
35	Máy đầm tự động mẫu Mashan	TQ	Còn sử dụng tốt	02	

	bê tông nhựa				
36	Máy đầm tự động procto (đất, cát ...)	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
37	Máy cắt bê tông	TQ	Còn sử dụng tốt	04	
38	Máy cắt đá	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
39	Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
40	Bộ gá uốn mẫu gạch 2 điểm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
41	Khuôn lập phương 15x15x60cm,	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	12	
42	Khuôn lập phương 15x15x15cm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	30	
43	Khuôn kép 3 4x4x16 cm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
44	Bàn rung mẫu bê tông, vữa	TQ	Còn sử dụng tốt		
45	Côn thử độ sụt bê tông	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
46	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
47	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
48	Bộ gá nén mẫu XM 40x40	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
49	Dụng cụ VICA	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
50	Thùng hấp mẫu xi măng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
51	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
52	Khuôn xi măng Le Chaterlier	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	08	
53	Bình tỷ trọng xi măng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
54	Phễu xác định khả năng giữ độ lựa động của vữa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
55	Protor cải tiến + chày	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
56	Protor tiêu chuẩn+ chày	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
57	Khuôn đúc mẫu bê tông nhựa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	30	
58	Bộ sàng tiêu chuẩn đk200mm	TQ	Còn sử dụng tốt	30	
59	Bộ sàng tiêu chuẩn đk300mm	TQ	Còn sử dụng tốt	30	
60	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
61	Tấm kính xác định giới hạn	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	05	
62	Bộ xác định đương lượng cát	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
63	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
64	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
65	Bảng màu chuẩn Model: TS101	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
66	Các phễu thủy tinh (nhựa)	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	20	
67	Các bình tỷ trọng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	20	
68	Thước xác định hạt dài, dẹt	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	03	
69	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh gim	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
70	Cát chuẩn - VN	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	100kg	
71	Bộ dao vòng lấy mẫu đất	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
72	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
73	Thước phẳng 3m	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
74	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát;	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
75	Máy nén đất tam liên	TQ	Còn sử dụng tốt	03	

76	Máy cắt đất 2 tốc độ	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
77	Bộ thăm đất cột nước không đổi	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
78	Bộ chày đầm marshall bằng tay	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
79	Thùng ôn nhiệt	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
80	Máy ly tâm tách nhựa	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
81	Giấy lọc (100tờ/hộp)	Việt Nam	Còn sử dụng tốt		
82	Mũi khoan, ống khoan	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
83	Thiết bị giãn dài nhựa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
84	Máy Thiết bị kim lún nhựa tự động	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
85	Thiết bị TN bốc cháy nhựa	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
86	Thiết bị TN hoá mềm nhựa	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
87	Thiết bị XD tổn thất khi nung	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
88	Kính lúp - TQ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
89	Chén sứ chịu nhiệt - TQ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
90	Bát sứ thí nghiệm - TQ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
91	Chày cao su	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
92	Máy khoan địa chất công trình	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
93	Bơm chân không	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
94	Bình hút chân không	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
95	ống cao su	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
96	Đồng hồ chỉ thị áp	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
97	Nhiệt kế thủy tinh 0 – 100 C	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
98	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 300 C	TQ	Còn sử dụng tốt	02	
99	Nhiệt kế kim loại 0-250C	TQ	Còn sử dụng tốt	05	
100	Chảo trộn mẫu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
101	Bộ cối chày bằng Đồng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
102	Pipét 10ml	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
103	Đồng hồ bấm giây - TQ/Liên Xô	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
104	Bàn cân thủy tinh	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
105	Rọ cân trong nước	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
106	Dao để gạt đất	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
107	Hộp ẩm bằng nhôm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	20	
108	Ca xúc mẫu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
109	Kích đùn mẫu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
110	Bếp ga nhỏ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
111	Bếp ga to	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
112	Kẹp mẫu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
113	Bộ thí nghiệm bentonite	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
114	Bộ Gá uốn thép	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
115	Chụp đế capping D150	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
116	Tấm cao su Capping D150mm dày 10mm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
117	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
118	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
119	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
120	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	

121	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
122	Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
123	Bộ thí nghiệm Sơn	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
124	Cân kỹ thuật 15kg	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
125	Cân kỹ thuật 30kg	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	5	
126	Cân kỹ thuật 6kg	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
127	Cân kỹ thuật 1000g	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
128	Cân kỹ thuật 100g	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
129	Máy trộn bê tông, vữa	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
130	Máy trộn xi măng	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
131	Bộ dụng cụ chỉ mẫu vật liệu	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
132	Bộ công thí nghiệm nén tĩnh cọc ly tâm đường kính D300	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
133	Bộ công thí nghiệm nén tĩnh cọc ly tâm đường kính D400	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
134	Bộ thí nghiệm độ góc cạnh của cát, đá	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
135	Thước kẹp điện tử	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
136	Bộ thí nghiệm đương lượng cát	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
137	Con lắc Anh	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
138	Bộ gá từ	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	06	
139	Thước lá kim loại	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
140	Thước Nivo	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
141	Dụng cụ cốc lọc	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
142	Nhớt kế Saybolt Furol, Phễu lọc	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
143	Bếp cách thủy	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
144	Bếp cách cát	TQ	Còn sử dụng tốt	01	
145	Bể, thùng ngâm mẫu bê tông, gạch, vữa		Còn sử dụng tốt	04	
146	Khay đựng mẫu bằng nhựa+ tôn	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	15	
147	Khuôn 30x30x5 chế tạo mẫu BTN chạy hần lún	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	04	
148	Khuôn số 8 chạy mẫu hần lún BTN hiện trường	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	02	
149	Bộ thiết bị ngâm kẹp, xuyên thùng, CBR vải địa kỹ thuật	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
150	Máy phô tô A2-A5	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	01	
151	Máy tính, máy in	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	10	
152	Bàn gỗ, bàn nhựa phục vụ trong quá trình thí nghiệm	Việt Nam	Còn sử dụng tốt	05	

- Các máy móc, thiết bị tại thời điểm, đều được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn đúng quy định, chu kỳ
- Ngoài các thiết bị liệt kê trên còn hệ thống máy móc thiết bị chuyên dụng khác.

DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-CBNT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty
TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Công việc thực hiện
01	Nguyễn Nho Thịnh	Giám đốc công ty	- Kỹ sư: Kỹ thuật công trình xây dựng. - Chứng chỉ: Quản lý PTN chuyên ngành xây dựng. - Bằng nghề: Thí nghiệm vật liệu đường bộ - Chứng chỉ: Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.	Giám đốc công ty - Điều hành mọi công việc liên quan đến phòng thí nghiệm. Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng.
02	Nguyễn Nho Trung	Trưởng phòng TN	- Kỹ sư: Kỹ thuật công trình xây dựng. - Chứng chỉ: Quản lý PTN chuyên ngành xây dựng. - Chứng chỉ: Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. - Chứng chỉ: Thí nghiệm XD các tính chất cơ lý của Bê tông nhựa, nhựa và VLXD trong phòng và hiện trường. - Chứng chỉ: Thí nghiệm XD các tính chất cơ lý của VLXD trong phòng và hiện trường. - Chứng chỉ: Thí nghiệm XD các tính chất cơ lý của Đất trong phòng và hiện trường	Trưởng phòng thí nghiệm - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng cũng như hiện trường
03	Nguyễn Văn Trường	Thí nghiệm viên	- Bằng nghề: Thí nghiệm viên công nghệ GTVT - Chứng chỉ: Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. - Chứng chỉ: Thí nghiệm hoá lý của vật liệu sơn nước trong xây dựng công trình giao thông. - Chứng chỉ: Thí nghiệm Phương pháp xác định phân tích nước dung trong xây dựng.	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng cũng như hiện trường
04	Nguyễn Thị Mến	Thí nghiệm viên	- Bằng nghề: Thí nghiệm vật liệu đường bộ	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng cũng

				như hiện trường
05	Đinh Văn Quân	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ: Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình giao thông.	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng cũng như hiện trường
06	Lê Thị Hương	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ: Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông.	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng cũng như hiện trường
07	Ngô Quang Trường	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ: Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông.	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng cũng như hiện trường
08	Phạm Hữu Dũng	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ: Thí nghiệm phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và VLXD trong phòng và hiện trường.	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng cũng như hiện trường
09	Phạm Minh Nguyên	Thí nghiệm viên	- Chứng chỉ: Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. - Chứng chỉ: Thí nghiệm phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và VLXD. - Chứng chỉ: Thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ lý của bê tông, đất, cát, đá và đo điện trở đất hệ thống chống sét. - Chứng chỉ: Phương pháp xác định tính chất cơ lý của thép xây dựng. - Chứng chỉ: Thí nghiệm XD các tính chất cơ lý của Bê tông nhựa, nhựa và VLXD trong phòng và hiện trường.	Nhân viên thí nghiệm - Thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng cũng như hiện trường

DANH MỤC

TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG ĐANG HOẠT ĐỘNG TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HƯNG YÊN.

(Kèm theo quyết định số 01/2026/QĐ-CBNT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của công ty
TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên)

STT	Dự án	Địa điểm	Ghi chú
01	Phòng thí nghiệm hoạt động hiện trường: Dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở liền kề để bán đô thị xanh- Green city	Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	